

# **ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP TRONG TRƯỜNG HỢP THÀNH VIÊN CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP TRONG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**TRƯỜNG VĨNH XUÂN\***

*Tóm tắt: Hiện nay, pháp luật đã tạo điều kiện về quy trình, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp khi thành viên chuyển nhượng vốn góp. Tuy nhiên, việc đăng ký doanh nghiệp còn bất cập về đối tượng chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng phần vốn góp, cơ sở cho việc chuyển nhượng phần vốn góp, thành phần hồ sơ, hạ tầng mạng thực hiện dịch vụ công trực tuyến... gây nhiều khó khăn cho việc đăng ký doanh nghiệp. Pháp luật cần hạn chế mâu thuẫn giữa Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Luật Phòng, chống tham nhũng; xác định rõ, tránh tình trạng công chức phòng đăng ký kinh doanh yêu cầu hợp đồng chuyển nhượng và thanh lý hợp đồng chuyển nhượng; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của công chức phòng đăng ký kinh doanh; đơn giản hóa thành phần hồ sơ và tạo điều kiện về cơ sở vật chất... Điều này sẽ thuận lợi hơn cho thị trường chuyển nhượng phần vốn góp hiện nay.*

*Từ khóa: Chuyển nhượng phần vốn góp; đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*

*Ngày nhận bài: 01/4/2025; Biên tập xong: 10/10/2025; Duyệt đăng: 20/01/2026*

## **BUSINESS REGISTRATION IN CASES WHERE A MEMBER TRANSFERS HIS CAPITAL CONTRIBUTION IN A LIMITED LIABILITY COMPANY WITH TWO OR MORE MEMBERS**

**Abstract:** Currently, the law has facilitated the process and documentation for registering businesses when members transfer their capital contributions. However, business registration still faces many difficulties, such as the transferor and recipient of capital contributions, the basis for the transfer, the required documents, and the infrastructure for online public services, which hinder the registration process. The law needs to limit conflicts between the Enterprise Law, the Law on Cadres and Civil Servants, the Law on Public Employees, and the Law on Prevention and Combat of Corruption and Waste; clearly define and avoid situations where civil servants in business registration offices request transfer and contract termination documents; raise the awareness and responsibility of civil servants at business registration offices; simplify the required documents; and provide better infrastructure... all of which would create a more favorable environment for the current market of capital contribution transfers.

**Keywords:** Transfer of capital contributions; registration of changes to business registration contents

**Received:** Apr 01, 2025; **Editing completed:** Oct 10, 2025; **Accepted for publication:** Jan 20, 2026

### **Đặt vấn đề**

Chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) hai thành viên trở lên là nhu cầu của nền kinh tế. Tuy nhiên, việc chuyển nhượng phần vốn góp đặt ra nhiều nội dung cần nghiên cứu, như khi nào người sở hữu phần vốn góp trong công ty được phép chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng được phép chuyển nhượng trong trường hợp nào, thành phần hồ sơ có thuận lợi cho việc đăng ký doanh nghiệp, trình tự thủ tục đăng ký doanh nghiệp và cán bộ, công chức phòng đăng ký kinh doanh có tạo điều kiện thuận lợi cho việc đăng ký hay chưa; đồng thời, cơ sở vật chất có thực sự đáp ứng được việc đăng ký doanh nghiệp trong môi trường số hay không.

### **1. Điều kiện/căn cứ tiến hành đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khi thành viên chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**

Phần vốn góp của chủ sở hữu trong công ty TNHH (sau đây gọi là phần vốn góp) là một loại tài sản. Chủ sở hữu đối với phần vốn góp có quyền định đoạt dưới hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn góp của mình cho người khác, trừ những trường hợp không được chuyển nhượng theo quy định pháp luật. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025 -

\* Email: [Xuantv2002@yahoo.com](mailto:Xuantv2002@yahoo.com)

Tiến sĩ, Học viện Chính trị Khu vực IV, Thành phố Cần Thơ

sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp năm 2020), trừ trường hợp yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp hoặc thanh toán nợ bằng phần vốn góp thì thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác. Việc chào bán phần vốn góp phải đảm bảo tính nội bộ trong công ty, tức là thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên có thể chào bán phần vốn góp của mình cho người khác khi những thành viên còn lại không mua hoặc không mua hết<sup>1</sup>. Việc chuyển nhượng phần vốn góp phải được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Để tiến hành việc đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên, việc chuyển nhượng phải thỏa mãn các điều kiện sau:

*Một là*, người chuyển nhượng phần vốn góp không thuộc các đối tượng bị hạn chế chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng không thuộc các đối tượng bị cấm nhận chuyển nhượng phần vốn góp.

Chủ sở hữu phần vốn góp khi quyết định chuyển nhượng phần vốn góp phải là những chủ thể được quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp. Phần vốn góp đó không phải là đối tượng đang thực hiện nghĩa vụ bắt buộc theo quyết định, bản án của Tòa án hoặc theo quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền; phần vốn góp đó không là đối tượng đang tranh chấp như tranh chấp giữa thành viên công ty với nhau hoặc tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty liên quan đến phần vốn góp... Trường hợp chủ sở hữu phần vốn góp là cá nhân đang có vợ, có chồng thực hiện chuyển nhượng cần phải được sự đồng ý của chồng hoặc vợ của người chuyển nhượng nếu tài sản góp vốn là tài sản chung của vợ chồng.

Bên cạnh đó, chủ thể nhận chuyển nhượng phần vốn góp phải đáp ứng những quy định của pháp luật dân sự về năng lực hành vi (*không thuộc các trường hợp là người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân*<sup>2</sup>), phải không thuộc những đối tượng bị cấm nhận

chuyển nhượng phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020<sup>3</sup>, Luật Cán bộ, công chức năm 2025<sup>4</sup>, Luật Viên chức năm 2025<sup>5</sup> và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018<sup>6</sup>. Việc quy định cấm nhận chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH là chưa thống nhất giữa các bộ luật. Luật Doanh nghiệp dẫn chiếu đến quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Luật Phòng, chống tham nhũng. Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức lại tiếp tục dẫn chiếu đến Luật Phòng, chống tham nhũng. Luật Phòng, chống tham nhũng là quy định tham chiếu cuối cùng đối với quy định những điều không được làm trong thành lập và quản lý doanh nghiệp của cán bộ, công chức và viên chức. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng, cán bộ, công chức và viên chức bao gồm viên chức, cán bộ, công chức không có chức vụ và có chức vụ. Luật Phòng, chống tham nhũng, chỉ quy định những việc không được làm đối với người có chức vụ; và như vậy, những người không có chức vụ thì có thể thực hiện góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp trong các công ty TNHH. Khi đã góp vốn và trở thành thành viên công ty TNHH, họ đã trở thành người quản lý công ty TNHH theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Tuy nhiên, pháp luật chưa dự liệu trường hợp cán bộ, công chức hoặc viên chức nhận chuyển nhượng phần vốn góp khi chưa có chức vụ và sau đó được bổ nhiệm hoặc bầu vào những chức vụ thì sẽ xử lý như thế nào.

*Hai là*, phải có “Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng” phần vốn góp<sup>7</sup>. Đây là những minh chứng ghi nhận việc chuyển nhượng của các chủ thể trong giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp.

Hiện nay, Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2018 và 2019) và Luật Doanh nghiệp năm 2020 chưa quy định những nội dung chính của hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp. Khi Luật Thương mại và Luật Doanh nghiệp chưa quy định chi tiết nội dung

<sup>1</sup> Điều 52 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

<sup>2</sup> Điểm đ Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

<sup>3</sup> Khoản 3 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

<sup>4</sup> Khoản 6 Điều 14 Luật Công chức năm 2025.

<sup>5</sup> Khoản 7 Điều 10, Luật Viên chức năm 2025.

<sup>6</sup> Khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 20 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

<sup>7</sup> Điểm c khoản 2 Điều 45 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

của Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp thì đồng nghĩa với việc hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp sẽ được điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự năm 2015. Dựa trên sự tôn trọng và ưu tiên sự thỏa thuận của các bên (trừ những thỏa thuận trái pháp luật, thuần phong mỹ tục...), các quy định trong hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp sẽ phải đáp ứng các nội dung điều chỉnh về giao dịch dân sự và hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH là giao dịch trong kinh doanh, thương mại. Khi có tranh chấp liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng, phần vốn góp sẽ được xác định là “những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án”<sup>8</sup>.

Quy định dành cho các bên trong chuyển nhượng vốn góp lựa chọn hoặc hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng. Sự lựa chọn thứ nhất sẽ đơn giản hơn. Sự lựa chọn thứ hai là “giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng” sẽ có nhiều phức tạp hơn. Theo Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng bao gồm một trong các giấy tờ sau: a) Bản sao hoặc bản trích sao sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông; b) Bản sao hoặc bản chính biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng; c) Giấy xác nhận của ngân hàng về việc đã hoàn tất việc thanh toán; và d) Giấy tờ khác có giá trị chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

Quy định pháp luật hiện nay chưa có sự ràng buộc về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp. Đây là quy định mở tạo điều kiện cho các bên tự do chuyển nhượng phần vốn góp nhưng rủi ro sẽ rất lớn nếu sự chuyển nhượng có tranh chấp. Sự thay đổi của khoa học công nghệ và mạng Internet đã làm thay đổi đời sống xã hội rất nhiều, bao gồm sự thay đổi trong hình thức hợp đồng. Nếu những giao dịch đó thực hiện qua mạng xã hội (Zalo, Viber, Facebook...<sup>9</sup>) thì có được công nhận là hợp đồng chuyển nhượng phần vốn

góp không và các cơ quan đăng ký kinh doanh có xem đó là thành phần hồ sơ được đảm bảo khi đăng ký thay đổi thành viên công ty.

Ba là, phải có hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Hồ sơ và thành phần hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng vốn được quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2020, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh (Thông tư số 68/2025/TT-BTC). Các thành phần hồ sơ đa số được mẫu hóa nhằm tạo điều kiện cho người đăng ký kinh doanh thuận lợi cho việc đăng ký.

## 2. Thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và những giải pháp hoàn thiện

### 2.1. Thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Khi các điều kiện/cần cứ chuyển nhượng vốn góp của thành viên cho người khác, việc tiến hành đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là bước tiếp theo. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải được lập theo quy định của pháp luật, gồm các thành phần sau<sup>10</sup>:

- 1) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- 2) Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;
- 3) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng;
- 4) Bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;
- 5) Bản sao văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ

<sup>8</sup> Khoản 3 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

<sup>9</sup> Trương, V. X. (2022). Hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa trong kinh doanh, thương mại thông qua mạng xã hội. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 01 (449).

<sup>10</sup> Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

Các thành phần hồ sơ đều được mẫu hóa trong Thông tư số 68/2025/TT-BTC. Người đăng ký thay đổi thành viên điền vào mẫu, cung cấp thông tin và tiến hành đăng ký theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị và hoàn thiện hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, xuất hiện các bất cập sau:

Một là, thành phần hồ sơ theo Thông tư số 68/2025/TT-BTC chỉ có 05 thành phần hồ sơ cơ bản nhưng trên thực tế có thể có thêm một số thành phần hồ sơ khác như:

(i) Giấy chứng nhận phần vốn góp có nội dung theo quy định tại khoản 6 Điều 47 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

(ii) Trong trường hợp bên nhận chuyển nhượng phần vốn góp là tổ chức thì phải có giấy thể hiện nội dung cá nhân đại diện cho tổ chức đó tham gia tư cách thành viên. Giấy xác nhận cá nhân đại diện cho tổ chức để tham gia tư cách thành viên cũng chưa được minh định rõ ràng, mỗi trường hợp là khác nhau. Đó có thể là văn bản của cơ quan có thẩm quyền trong công ty (*Quyết định/Nghị quyết của Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Nghị quyết của Hội đồng thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên, Quyết định của Chủ tịch công ty TNHH một thành viên, Nghị quyết của Hội đồng thành viên công ty hợp danh, Quyết định của người đại diện của chủ doanh nghiệp tư nhân*) hay văn bản ủy quyền hay giấy ủy quyền của những cơ quan của tổ chức cử người đại diện.

Hai là, minh chứng cho việc chuyển nhượng phần vốn góp để đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là “Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng”. Luật Doanh nghiệp ghi nhận rất rõ ràng là “hoặc”. Chữ “hoặc” trong ngữ pháp tiếng Việt cho thấy, các bên có thể chọn một trong hai hình thức để minh chứng cho giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp và cũng quy định “mở” khi các bên giao dịch bằng lời nói (hình thức hợp đồng bằng miệng). Giấy tờ chứng minh là làm “bằng” cho việc chuyển nhượng, đồng thời là căn cứ cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc đăng ký thay đổi thành viên công ty.

Tuy nhiên, nhiều cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu ngoài hợp đồng chuyển nhượng phải bao gồm “Thanh lý hợp đồng chuyển

nhượng phần vốn góp” để “chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng”<sup>11</sup>. Việc không hợp lý thể hiện: (i) Một số nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng có thể thực hiện sau khi đăng ký thay đổi thành viên công ty (ví dụ như nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bàn giao...) là do thỏa thuận của các bên, cơ quan đăng ký kinh doanh nên tôn trọng thỏa thuận của các bên; (ii) Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính một lần như vậy đôi khi vượt quá khả năng. Chúng ta chưa kể trong trường hợp giá trị thanh toán quá lớn, được chia thành các kỳ thanh toán và các bên đã thống nhất với nhau. Rủi ro của việc đợi đến thanh toán 100% nghĩa vụ thanh toán mới đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quá lớn; (iii) Sau khi thanh toán cho bên nhận chuyển nhượng mà phần vốn góp của bên chuyển nhượng trở thành tài sản đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ hoặc bên chuyển nhượng là doanh nghiệp bị nộp đơn yêu cầu phá sản và Tòa án thụ lý và mở thủ tục phá sản thì quyền lợi của bên nhận chuyển nhượng sẽ rất khó khăn; (iv) Bên nhận chuyển nhượng trở thành thành viên công ty kể từ thời điểm thực hiện xong thủ tục đăng ký thay đổi thành viên công ty hay kể từ thời điểm “được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên”<sup>12</sup>.

Ba là, người ký hồ sơ đăng ký thay đổi thành viên công ty cũng còn nhiều cách diễn đạt khác nhau trong trường hợp người nhận chuyển nhượng phần vốn góp là thành viên đồng thời là chủ tịch công ty kiêm người đại diện theo pháp luật của công ty.

Khi thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp, với sự thay đổi thành viên công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ triệu tập họp Hội đồng thành viên bất thường. Theo quy định pháp luật, người nhận chuyển nhượng phần vốn góp trở thành thành viên công ty kể từ thời điểm “được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên”<sup>13</sup> và họ có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 48 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

<sup>11</sup> Bản án số 06/2024/KDTM-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty.

<sup>12</sup> Khoản 2 Điều 52 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Trọng. N. (2024). Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tân Tân trình báo bị chiếm giữ tài sản. *VnExpress*. <https://vnexpress.net/chu-tich-hdq-t-cong-ty-cp-tan-tan-trinh-bao-bi-chiem-giu-tai-san-4779665.html> (Truy cập ngày 10/8/2024).

<sup>13</sup> Khoản 2 Điều 52 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Pháp luật quy định “*Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên theo yêu cầu của thành viên có liên quan...*”<sup>14</sup> nhưng không quy định “kịp thời” là bao lâu và nếu có yêu cầu nhưng chậm cập nhật thì sẽ xử lý như thế nào. Nếu thông tin sổ đăng ký thành viên cập nhật và họp Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên thay đổi Chủ tịch Hội đồng thành viên, thay đổi người đại diện theo pháp luật công ty thì Chủ tịch Hội đồng thành viên có đủ tư cách thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên kể từ thời điểm Hội đồng thành viên ban hành Nghị quyết về kết quả bầu chủ tịch Hội đồng thành viên hay kể từ thời điểm hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (thay đổi thành viên, thay đổi Chủ tịch Hội đồng thành viên, thay đổi người đại diện theo pháp luật) và được thông báo chấp nhận việc đăng ký doanh nghiệp. Nếu quyền và nghĩa vụ của người nhận chuyển nhượng phát sinh từ khi “được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên” thì việc đăng ký thay đổi nội dung có cần xác nhận của cơ quan đăng ký kinh doanh, hay chỉ cần thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh là đủ.

Bốn là, hạ tầng mạng Internet đăng ký kinh doanh trực tuyến và năng lực, phẩm chất đội ngũ cán bộ tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp vẫn còn nhiều bất cập. Hạ tầng mạng Internet đôi khi gây khó khăn cho người đăng ký doanh nghiệp, dẫn đến kéo dài thời gian đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và tạo rủi ro cho người nhận chuyển nhượng phần vốn góp. Bên cạnh đó, đội ngũ công chức Phòng Đăng ký kinh doanh đôi lúc gây khó khăn khi đăng ký doanh nghiệp. Chỉ cần thay đổi một hoặc hai chữ theo ý kiến chủ quan của người tiếp nhận hồ sơ sẽ dẫn đến khó khăn cho người đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Nhìn chung, việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH cũng còn nhiều khó khăn, chưa tạo điều kiện cho việc phát triển các loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước.

## 2.2. Các kiến nghị góp phần đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thuận lợi

Để tạo điều kiện cho những thành viên công ty thuận lợi và đơn giản hóa thủ tục

đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, bài viết đề xuất một số định hướng hoàn thiện như sau:

*Một là*, hoàn thiện các quy định liên quan đến thủ tục đăng ký thay đổi thành viên công ty TNHH:

(i) Quy định nội dung cơ bản của Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp.

Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hiện đang được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp năm 2020, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Chứng khoán năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2024), Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các quy định có liên quan. Tuy nhiên, sẽ thuận lợi hơn nếu Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Thương mại quy định khung hợp đồng cơ bản để các bên dễ thực hiện hơn trong thỏa thuận hợp đồng. Những nội dung chính yếu không mang tính bắt buộc nhưng đối với những chủ thể đa dạng, các tầng lớp khác nhau trong đời sống xã hội có thể định hình được những quyền và nghĩa vụ cơ bản trong chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH hai thành viên trở lên.

(ii) Đối tượng được quyền nhận chuyển nhượng phần vốn góp là cán bộ, công chức viên chức; là cán bộ viên chức chưa có chức vụ nhưng sau đó được bổ nhiệm hoặc bầu vào những chức vụ trong các cơ quan nhà nước.

Trong bối cảnh khuyến khích đảng viên làm kinh tế (trừ những trường hợp thành lập hoặc chuyển nhượng phần vốn góp của công ty mà doanh nghiệp đó kinh doanh những ngành nghề có liên quan đến công vụ của cán bộ, công chức, viên chức), pháp luật đã khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức không có chức vụ tham gia thành lập, chuyển nhượng phần vốn góp cũng nên quy định hướng xử lý trường hợp cán bộ, công chức, viên chức nhận chuyển nhượng phần vốn góp khi chưa có chức vụ nhưng một thời gian sau đó được bổ nhiệm, bầu vào các chức danh lãnh đạo, quản lý, các quy định pháp luật nên bổ sung cho phù hợp với tình hình thay đổi. Theo đó:

Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020 nên bổ sung trong khoản 3 về trách nhiệm của công chức, viên chức phải tự giác khai báo và chuyển nhượng phần vốn góp cho người khác khi được bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan khác.

<sup>14</sup> Khoản 3 Điều 48 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Điều 20 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 nên bổ sung quy định về cán bộ công chức góp vốn vào công ty, không tham gia quản lý trong công ty nhưng sau đó được bổ nhiệm, bầu vào các chức danh lãnh đạo quản lý phải tự giác khai báo và chuyển nhượng phần vốn góp cho người khác.

(iii) *Mở rộng hình thức hợp đồng chuyển nhượng vốn góp khi giao kết hợp đồng qua mạng xã hội*

Mạng xã hội đang trở nên thông dụng trong hoạt động thương mại. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 đã ra đời có nhiều thay đổi nhưng các khái niệm về phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử, thông điệp dữ liệu vẫn chưa phù hợp với sự phát triển của mạng xã hội. Các hình thức như chụp hình Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và gửi qua lại giữa các bên cho đến khi có chữ ký của hai bên, ghi âm thỏa thuận của hai bên về chuyển nhượng vốn góp, gọi video (hay gọi điện thoại qua mạng xã hội có hình ảnh, giọng nói) giữa hai bên, trao đổi và lưu lại thông tin, tin nhắn qua mạng xã hội, việc trả lời bằng các biểu tượng (trái tim, like hoặc ok...) được công nhận như thế nào trong các hình thức hợp đồng theo quy định hiện nay. Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Bộ luật Dân sự năm 2015 nên minh định hình thức hợp đồng qua mạng xã hội cho phù hợp với sự phát triển của mạng xã hội.

(iv) *Hướng dẫn cụ thể các thể thức, thông tin, chức danh trong các thành phần hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*

Về thành phần hồ sơ, quy định hiện nay nên chia thành thành phần “cứng” và thành phần “mềm”. Thành phần cứng quy định bắt buộc phải có, thành phần mềm có thể ghi thêm “(nếu có)” để thuận lợi cho người đăng ký doanh nghiệp và thuận lợi cho công chức phụ trách nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Luật Doanh nghiệp năm 2020 nên bổ sung quy định về trách nhiệm của người nhận chuyển nhượng phải báo cáo cập nhật thông tin thành viên doanh nghiệp trong thời gian bao nhiêu ngày, trách nhiệm của người quản lý công ty, người có trách nhiệm phải cập nhật thông tin danh sách thành viên công ty trong bao nhiêu ngày. Việc cập nhật và ghi sổ thành viên công ty rất quan trọng vì liên quan đến quyền, nghĩa vụ của thành viên công ty, nhất là những thành viên sở hữu tỷ lệ phần vốn góp lớn. Đồng thời, bổ sung và ghi rõ giá trị pháp lý của Nghị quyết Hội đồng thành viên về bầu các chức danh

quản lý công ty, Nghị quyết về người đại diện pháp luật của công ty trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp mà người nhận chuyển nhượng phần vốn góp chiếm tỷ lệ cao và được bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật.

*Hai là*, những yếu tố khác góp phần cho việc đăng ký doanh nghiệp được thuận lợi:

(i) Cơ sở vật chất có ý nghĩa rất quan trọng trong đăng ký doanh nghiệp, nhất là đăng ký doanh nghiệp điện tử. Hạ tầng mạng Internet có ý nghĩa rất lớn cho vận hành phần mềm đăng ký doanh nghiệp. Do đó, việc đầu tư và phát triển hạ tầng mạng Internet sẽ giúp việc đăng ký doanh nghiệp thuận lợi, nhanh chóng.

(ii) Phổ biến, giáo dục pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản thi hành và các quy định pháp luật khác cho đội ngũ công chức nhằm nâng cao ý thức pháp luật, nâng cao phẩm chất đạo đức cho đội ngũ công chức thực hiện đăng ký doanh nghiệp, tránh trường hợp hiểu sai hoặc cố tình hiểu sai gây khó khăn cho doanh nghiệp.

(iii) Luật Doanh nghiệp nên quy định thêm trách nhiệm của công chức thi hành đăng ký kinh doanh khi gây những phiền hà cho người dân và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi xảy ra thiệt hại cho các bên chuyển nhượng phần vốn góp.

### KẾT LUẬN

Để việc đăng ký kinh doanh trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH hai thành viên trở lên thuận lợi, hiệu quả, cần đảm bảo tính hệ thống trong quy định pháp luật; sự nhận thức và hiểu nhất quán các quy định pháp luật có liên quan; rõ ràng về hồ sơ, trình tự đăng ký thay đổi thành viên công ty TNHH. Đồng thời, cũng cần đảm bảo cơ sở vật chất cần thiết cho đăng ký doanh nghiệp trên môi trường mạng Internet... tránh rủi ro không đáng có cho các bên./

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).
2. Luật Công chức năm 2025.
3. Luật Viên chức năm 2025.
4. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.
5. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
6. Trương, V. X. “Hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa trong kinh doanh, thương mại thông qua mạng xã hội”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 01 (449)/2022.
7. Trọng, N. (2024). Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tân Tân trình báo bị chiếm giữ tài sản. *VnExpress*. <https://vnexpress.net/chu-tich-hdqt-cong-ty-cp-tan-tan-trinh-bao-bi-chiem-giu-tai-san-4779665.html>.